CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức

Ngày 31/12/2024	8,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.4%	**1.2%**	**-7.4%**

DT thuần
Q4/24
610
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.00| 1.5%
YoY: ▼55.0| -8.3%

LN thuần
Q4/24
3.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.36| 10.6%
YoY: ▼0.88| -18.7%

LN sau thuế
Q4/24
2.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.21| 7.7%
YoY: ▼0.51| -14.8%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
0.5%
YoY: +/-▼ 0.1%

ROE
2024
5.2%
YoY: +/-▼ 1.1%

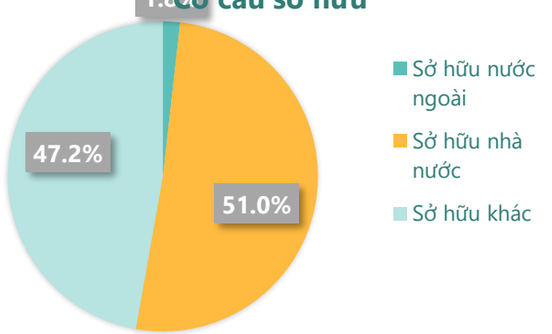
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,700 - 9,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	108
Số lượng CPLH (CP)	12,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	855
Sở hữu nước ngoài	1.8%
Beta	(0.27)
EPS	808
P/E	10.8

DT thuần
2024
2,489
tỷ VNĐ
YoY: ▼51.0| -2.0%

LN thuần
2024
12.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.23| 22.1%

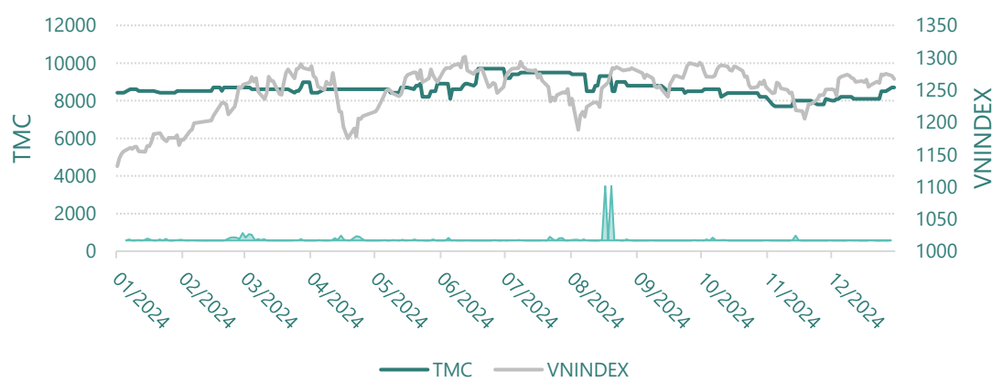
LN sau thuế
2024
10.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.90| -15.7%

Cơ cấu sở hữu

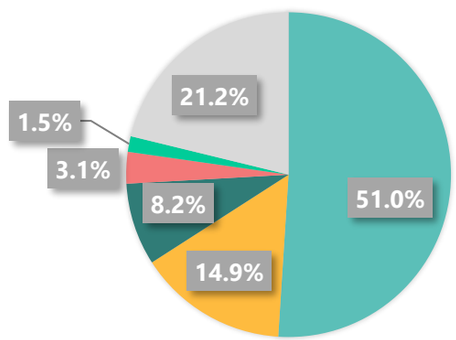


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

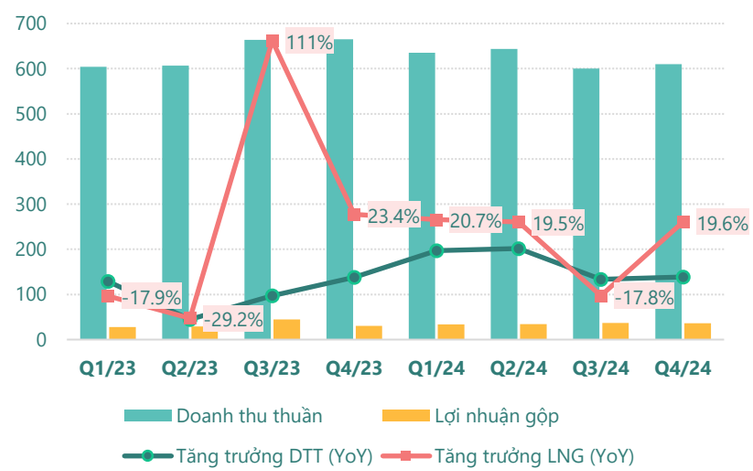


- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh
- CTCP Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op
- Ma Đức Tú
- Nguyễn Thanh Bình (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

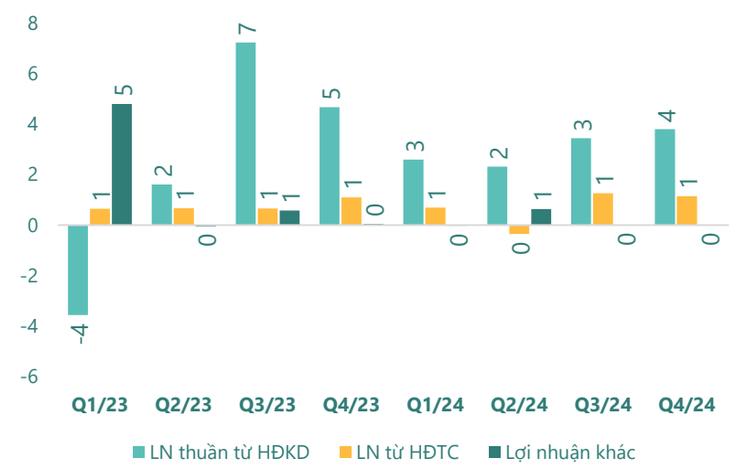
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



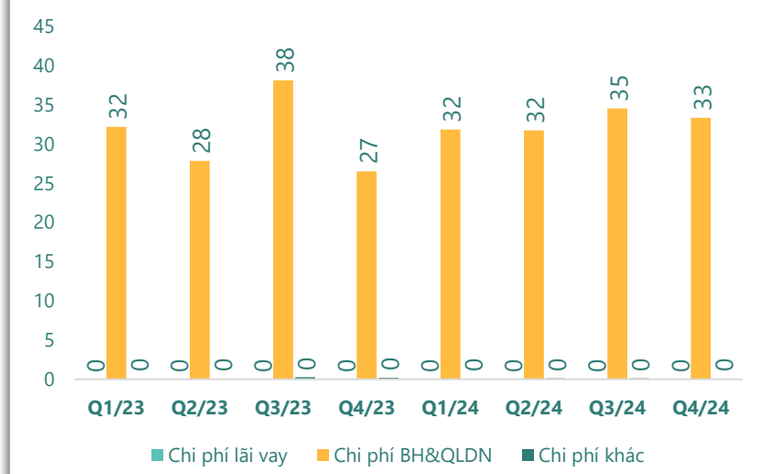
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



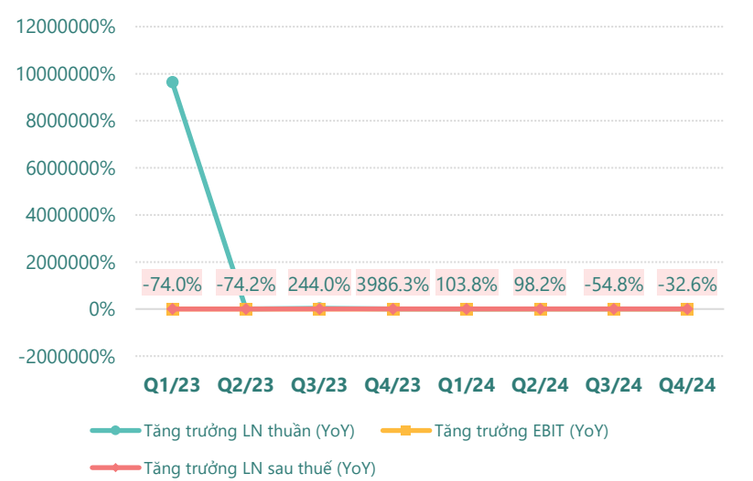
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



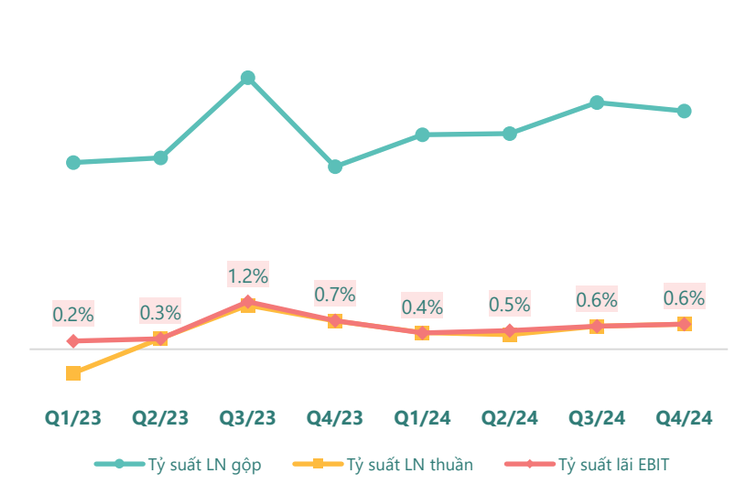
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



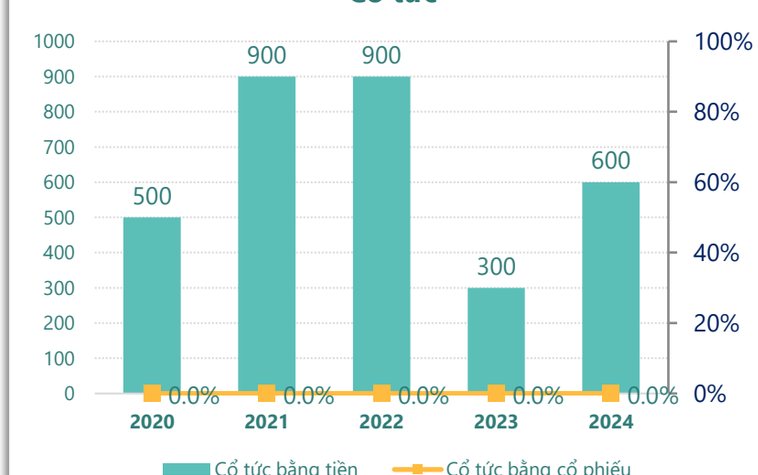
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

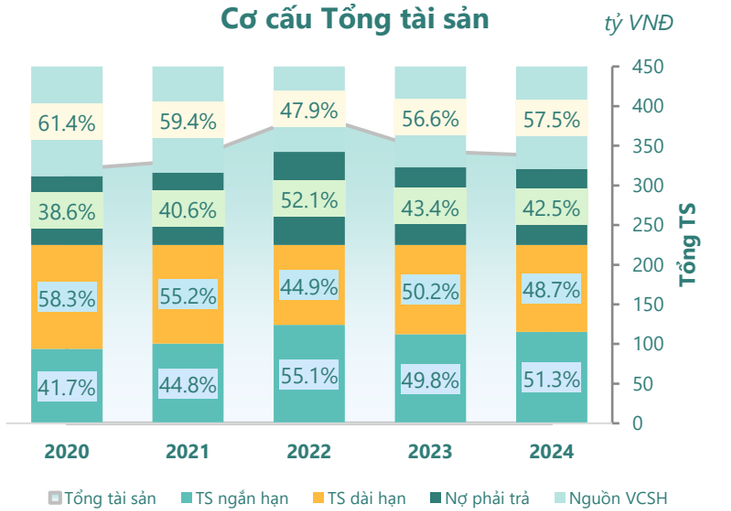
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

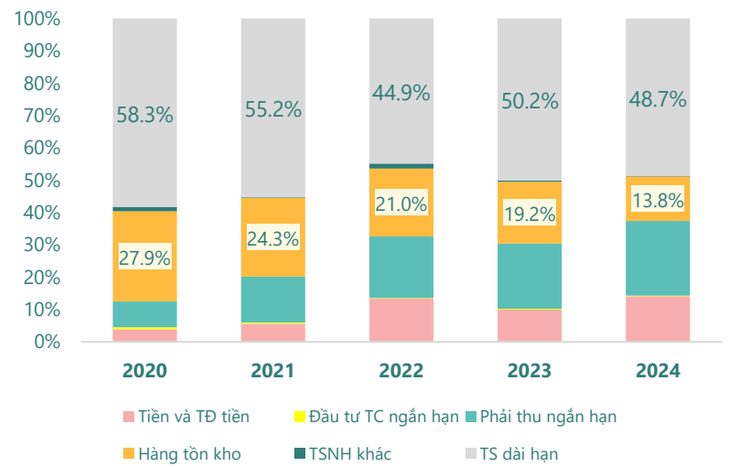
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



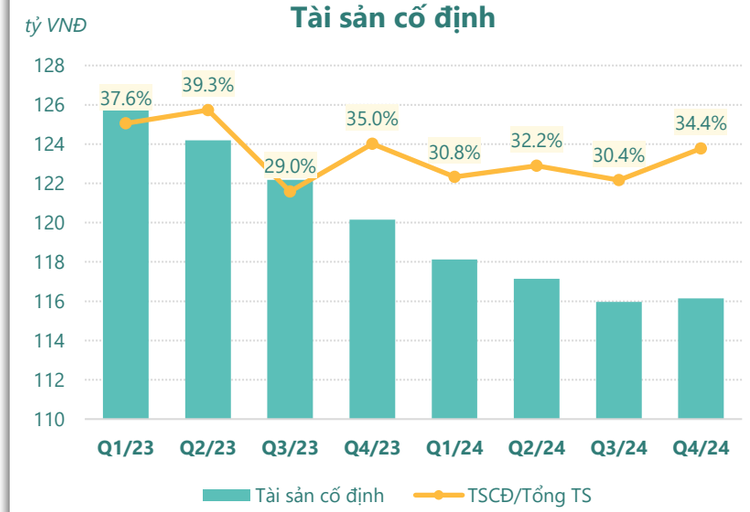
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



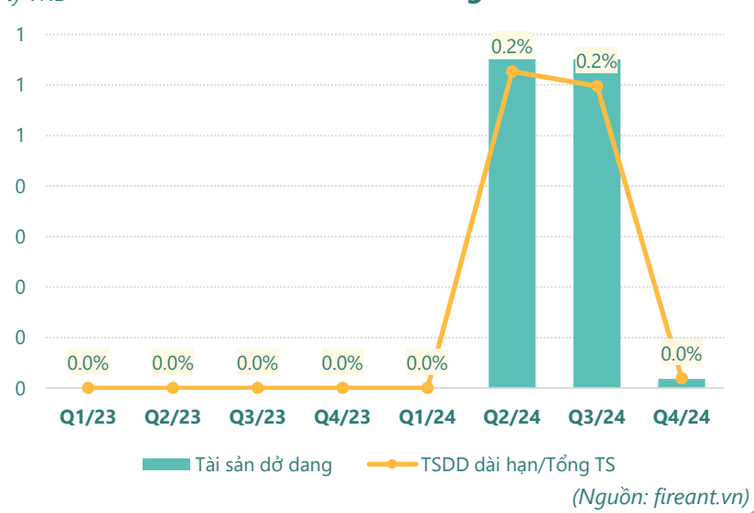
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



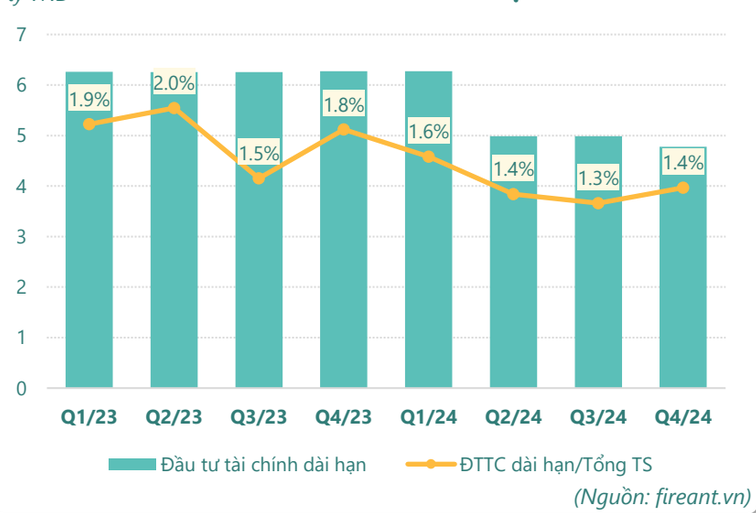
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



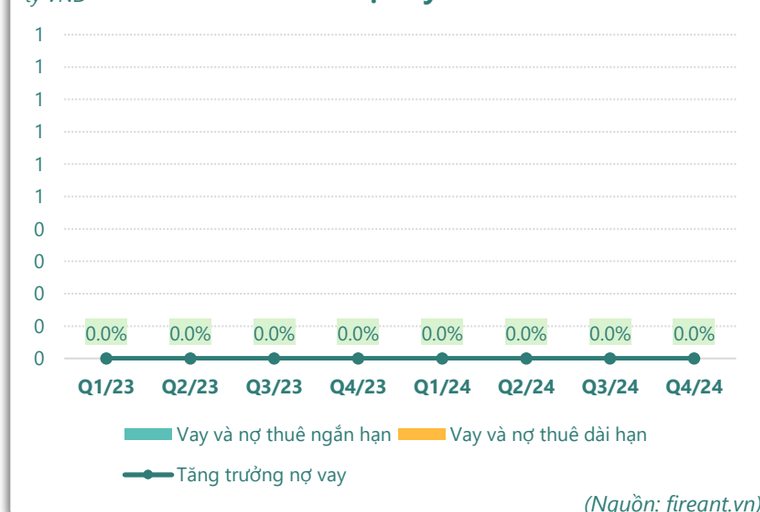
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

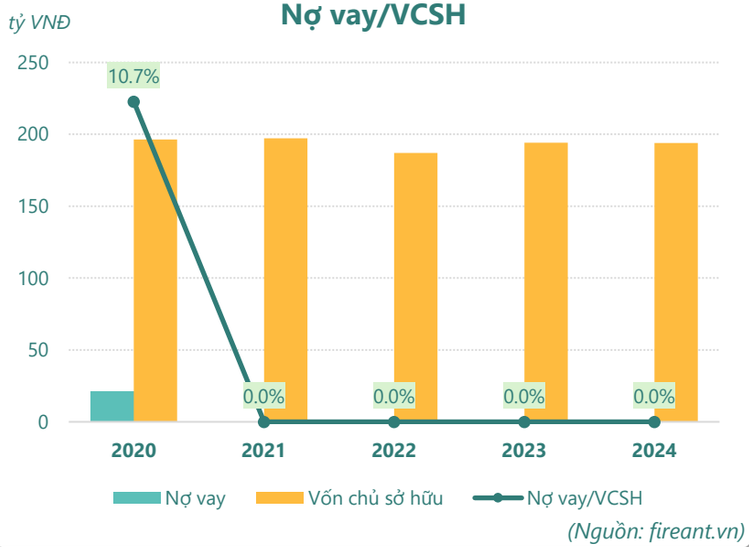
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

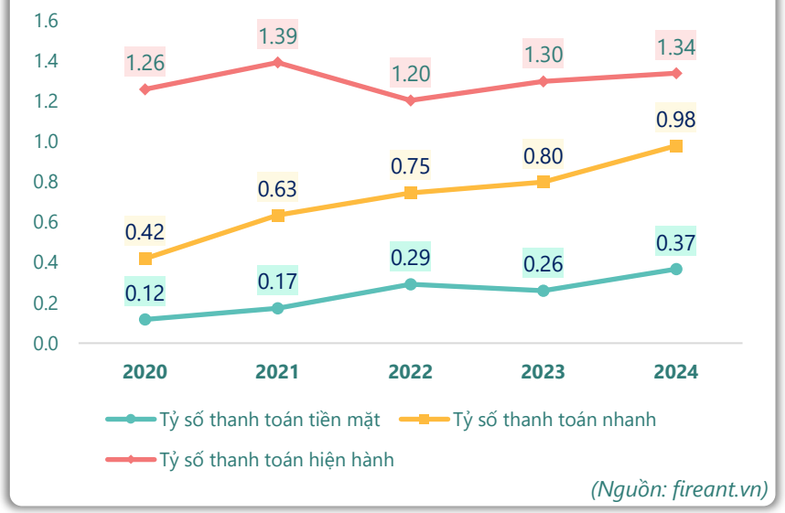
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



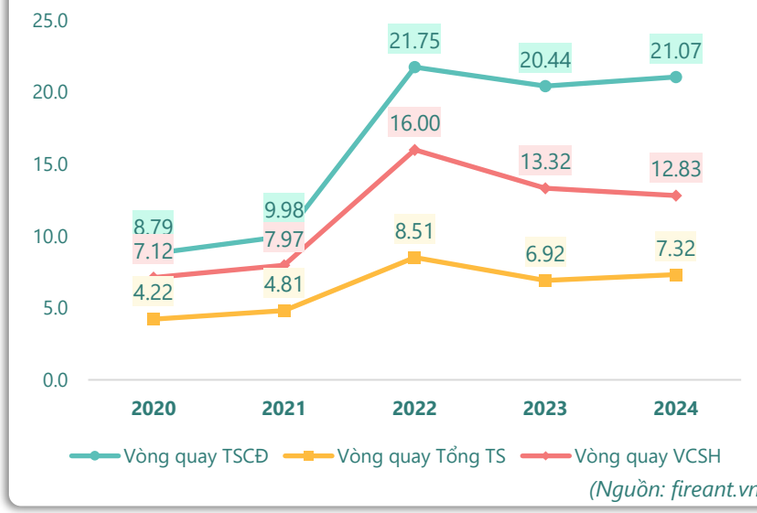
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



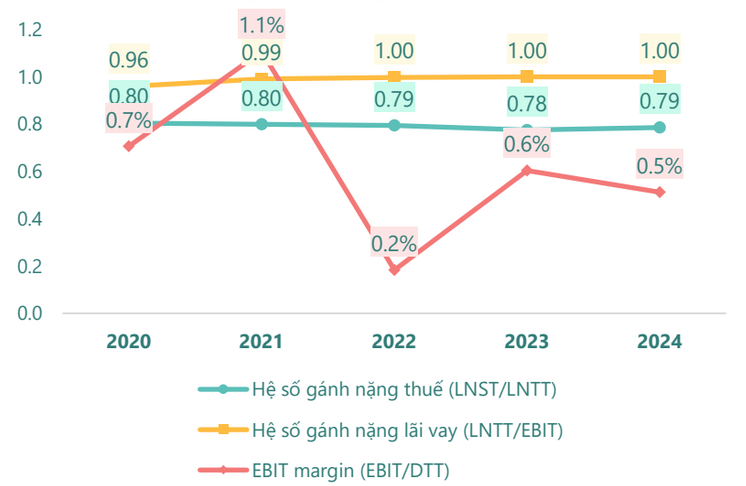
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



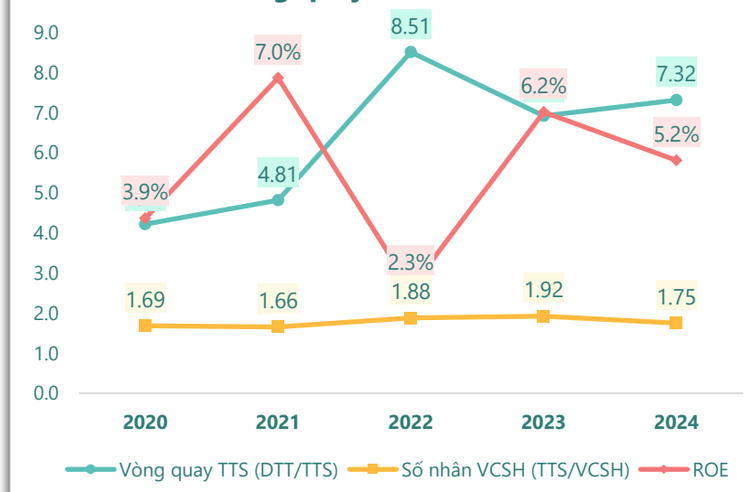
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



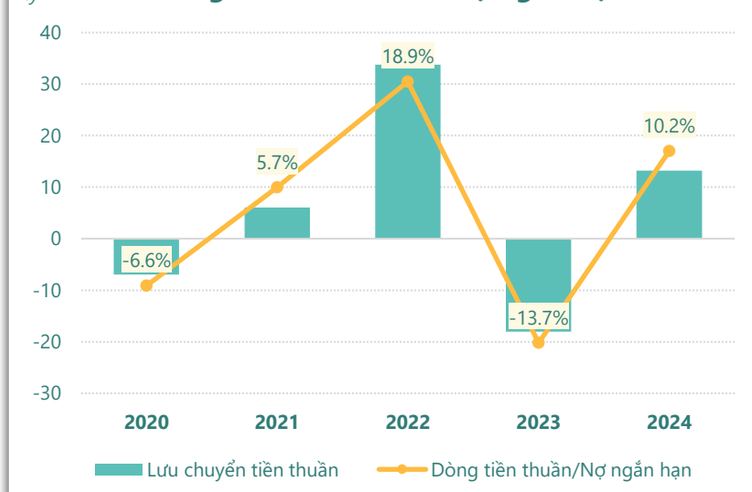
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**610**	**665**	**-8.3%**	**2,489**	**2,540**	**-2.0%**
Giá vốn hàng bán	574	635	-9.6%	2,348	2,408	-2.5%
Lợi nhuận gộp	36.0	30.1	19.6%	141	132	7.1%
Doanh thu HĐTC	1.40	1.10	26.9%	4.27	3.14	36.0%
Chi phí TC	0.25	0.01	2386%	1.52	0.06	2272%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	24.5	16.6	47.7%	82.2	75.1	9.5%
Chi phí QLDN	**8.84**	**9.88**	**-10.6%**	**49.3**	**49.6**	**-0.7%**
LN thuần từ HĐKD	3.80	4.68	-18.7%	12.2	9.97	22.1%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.04**	**-129%**	**0.59**	**5.37**	**-89.1%**
LN trước thuế	3.79	4.72	-19.6%	12.8	15.3	-16.9%
Lợi nhuận sau thuế	**2.93**	**3.44**	**-14.8%**	**10.0**	**11.9**	**-15.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.93**	**3.44**	**-14.8%**	**10.0**	**11.9**	**-15.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.8	-27.2	-22.1	35.1	55.2	-44.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.04	0.02	-0.98	-1.07	-1.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-7.44	0	0
Tiền đầu kỳ	35.5	61.4	34.2	12.1	38.8	92.9
Lưu chuyển tiền thuần	**25.8**	**-27.1**	**-22.1**	**26.6**	**54.1**	**-45.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	61.4	34.2	12.1	38.8	92.9	47.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**337**	**343**	**-1.7%**
Tài sản ngắn hạn	173	171	1.2%
Tiền và tương đương tiền	47.5	34.2	38.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.75	0.75	0.0%
Phải thu ngắn hạn	77.8	69.2	12.4%
Hàng tồn kho	46.5	65.8	-29.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	0.99	-47.3%
Tài sản dài hạn	**164**	**172**	**-4.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	116	120	-3.3%
Bất động sản đầu tư	5.02	5.51	-8.8%
Tài sản dở dang	0.02	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	4.78	6.27	-23.8%
Tài sản dài hạn khác	**38.2**	**40.1**	**-4.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	143	149	-3.7%
Nợ ngắn hạn	**129**	**132**	**-1.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	84.3	86.7	-2.8%
Nợ dài hạn	14.0	17.1	-18.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**194**	**194**	**-0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**194**	**194**	**-0.2%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)